

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHO GIÁO DỤC MẦM NON Ở VIỆT NAM VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH

LÊ KHÁNH TUẤN*

Ngày nhận bài: 22/07/2016; ngày sửa chữa: 09/08/2016; ngày duyệt đăng: 12/08/2016.

Abstract: Recently, decisions made by the Vietnamese Government have led to breakthrough improvements in pre-primary education. Although there has been significant growth and structural reform in education financial resource allocation, more investment is needed to fully achieve our development goals. Going forward, continued innovation in the policy of financial mobilisation should increase the productive use of our social resources. This article contains two sections, firstly it provides an overview of the current state of financial investment in pre-primary education in Vietnam and, secondly it makes recommendations regarding new pre-primary education financial policies that aim to achieve our development goals.

Keywords: Investment, finance, pre-primary education, recommendations.

1. Thực trạng đầu tư tài chính cho giáo dục mầm non (GDMN)

1.1. Những chuyển đổi quan trọng về quan điểm đầu tư

Trong hơn một thập kỉ qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng và Nhà nước trong việc đầu tư và phát triển GDMN. Quan điểm đầu tư phát triển đối với ngành học mầm non được tăng cường, phát triển dần qua các giai đoạn, cụ thể là:

- Khởi đầu là Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển GDMN, với mục tiêu đặt ra rất khiêm tốn: Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư phát triển GDMN, đồng thời đẩy mạnh xã hội hoá sự nghiệp GDMN, mở rộng hệ thống nhà trẻ và trường, lớp mẫu giáo trên mọi địa bàn dân cư; ưu tiên đầu tư phát triển GDMN ở những xã có điều kiện KT-XH khó khăn, các xã vùng núi cao, hải đảo. Quan điểm đầu tư lúc đó xem GDMN là ngành học dân lập, trách nhiệm đầu tư tài chính của nhà nước rất hạn chế, cụ thể: + Cơ sở GDMN công lập chỉ được xây dựng chủ yếu ở các xã KT-XH đặc biệt khó khăn; ở miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa; + Khuyến khích lập trường, lớp mầm non dân lập, tư thục ở thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp và những nơi có điều kiện KT-XH phát triển; + Thực hiện việc chuyển các trường, lớp mầm non công lập ở địa bàn KT-XH phát triển, thành phố, thị xã, thị trấn sang trường, lớp ngoài công lập.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định, các địa phương đều xây dựng đề án triển khai, nhưng do điều kiện ngân sách khó khăn, việc thực hiện đề án đã không thuận lợi. Một số tỉnh không thực hiện được mục tiêu chuyển đổi trường lớp. GDMN lâm vào khó khăn, đặc biệt là khó khăn về kinh phí hoạt động.

- Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án Phát triển GDMN giai đoạn 2006-2015" xác định định hướng, nhiệm vụ chủ yếu cho phát triển, làm tiền đề cho sự thay đổi về quan điểm phát triển đối với GDMN. Một số quan điểm chỉ đạo đột phá, trong đó có những ý tưởng lần đầu được khẳng định, cụ thể: + Xác định GDMN là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ em Việt Nam. Việc chăm lo phát triển GDMN là trách nhiệm chung của các cấp chính quyền, của mỗi ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lí của Nhà nước; + Nhà nước có trách nhiệm quản lí, đầu tư phát triển GDMN; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, đẩy mạnh công tác xã hội hoá; nhà nước có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển GDMN ở các vùng có điều kiện KT-XH khó khăn; + Việc chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non phải được thực hiện với sự phối hợp, gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; + Từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp GDMN theo nguyên tắc bảo đảm đồng bộ, phù hợp, tiên tiến, gắn với đổi mới giáo dục phổ thông, chuẩn bị tốt cho trẻ vào lớp 1.

* Bộ Giáo dục và Đào tạo

Sau 4 năm thực hiện, thành tựu của một số hoạt động đã đặt nền tảng cho sự phát triển xa hơn. Đã có sự quan tâm đầu tư tài chính cho GDMN nhiều hơn từ ngân sách nhà nước (NSNN), các nguồn lực xã hội. Tuy vậy, sự chuyển biến là chưa đủ mạnh, chưa tạo được bước ngoặt.

- Quyết định số 239/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi” tạo ra sự thay đổi căn bản về phát triển cho cấp học, tạo ra bước ngoặt rõ ràng. Lần đầu tiên xuất hiện chủ trương “phổ cập mầm non cho trẻ em năm tuổi”, với quan điểm đầu tư rất cụ thể: + Nhà nước có trách nhiệm quản lý, đầu tư phát triển GDMN, tăng cường hỗ trợ cơ sở vật chất, đào tạo đội ngũ giáo viên; ưu tiên đầu tư các vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới theo hướng xây dựng các trường công lập kiên cố, đạt chuẩn; + Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong GDMN đối với tất cả vùng miền trong cả nước; + Việc chăm lo để mọi trẻ em năm tuổi được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội.

Với những quan điểm chỉ đạo mạnh mẽ như vậy, nguồn lực tài chính cho GDMN từ chủ yếu là huy động gia đình, xã hội, chuyển sang chủ yếu là NSNN. Quan điểm đầu tư thay đổi, kéo theo một loạt chuyển đổi về loại hình trường lớp (chuyển dịch mạnh mẽ từ loại hình ngoài công lập sang công lập); chính sách, chế độ đối với giáo viên, học sinh và nhà trường được bổ sung, vị trí việc làm của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có sự thay đổi. Nhờ vậy, ngành học mầm non được quan tâm đầu tư, giảm dần các khó khăn cố hữu trước đây, tạo được sự bình đẳng hơn với các cấp học khác.

- Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển GDMN giai đoạn 2011-2015 là một bước tiếp nối có ý nghĩa quan trọng của Quyết định số 239/QĐ-TTg, cụ thể là đã pháp quy hóa một số chính sách đối với học sinh, giáo viên và nhà trường, với các thay đổi về bản chất trong trách nhiệm chăm lo cho GDMN từ NSNN: +) Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi; +) Chính sách hỗ trợ giáo viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ sở GDMN công lập, dân lập; +) Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trong việc bảo đảm quy hoạch đất và áp dụng các phương thức giao đất, cho thuê đất, thuê cơ sở vật chất để phát triển mạng lưới các cơ sở GDMN.

Có thể nói các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, từ Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg đến Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg, là những bậc thang quan trọng từng bước đặt vị trí GDMN vào hệ thống giáo dục quốc dân với tư cách đầy đủ của một cấp học. Theo đó, bản chất đầu tư tài chính cho ngành học đã có sự thay đổi từ chủ yếu là huy động xã hội; sang chủ yếu là trách nhiệm của NSNN, đi đôi với đẩy mạnh xã hội hóa. Đó là những bước đột phá vô cùng quan trọng, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ của GDMN.

1.2. Một số kết quả đạt được và những khó khăn, hạn chế

Với những chủ trương như trên, đầu tư tài chính cho GDMN đã có sự chuyển biến quan trọng, góp phần quyết định trong tăng quy mô huy động trẻ ra lớp và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

1.2.1. Chi NSNN cho GDMN

Giai đoạn 2001-2005, ngân sách chi thường xuyên cho GDMN trong cơ cấu chi NSNN cho giáo dục có được tăng lên, nhưng không đáng kể: từ 1.359 tỉ đồng (6,88%) năm 2001 lên 2.550 tỉ đồng (7,31%) năm 2004 và khoảng 2.700 tỉ đồng (7,4%) vào năm 2005; vừa chiếm tỉ trọng nhỏ, vừa có tốc độ tăng bình quân chậm (gần 4%).

Giai đoạn 2006-2010, tỉ lệ chi và tốc độ tăng chi cho GDMN trong tổng chi thường xuyên giáo dục có sự cải thiện nhanh hơn: năm 2006 đạt 4.096 tỉ đồng (7,47%), năm 2008 đạt 6.920 tỉ (8,5%) và năm 2009 đạt 7.534 tỉ (11,2%). NSNN đảm bảo phần chủ yếu, cùng các nguồn đóng góp của nhân dân để phát triển quy mô, củng cố và cải thiện cơ sở vật chất trường học và từng bước nâng cao chất lượng.

Giai đoạn 2010-2015 có sự cải thiện rõ rệt cả về tốc độ tăng và tỉ trọng chi, trong đó chi đầu tư phát triển cũng tăng đáng kể. *Bảng 1* thể hiện số liệu chi NSNN cho giáo dục (không tính khối đào tạo; trong tổng chi bao gồm cả chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển) giai đoạn 2011-2015.

Bảng 1. Chi NSNN cho GDMN giai đoạn 2011-2015

Nội dung chi	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng chi NSNN cho giáo dục (tỉ đồng)	90.500	107.084	146.788	169.486	183.044	192.200
- Chi GDMN (tỉ đồng)	14.324	18.489	26.839	31.870	33.850	35.800
- Tỉ trọng/tổng chi (%)	15,8	17,3	18,3	18,8	18,5	18,6
- Bình quân/trẻ (triệu đồng)	6,1	6,2	7,75	8,8	8,9	9,0
- Chi hoạt động/tổng chi sự nghiệp GDMN (%)	12,9	12,5	13,6	13,2	13,1	13,0

(Nguồn: Bộ Tài chính 2010, 2011, 2012; các năm còn lại ước thực hiện)

So sánh số liệu chi NSNN cho GDMN của 3 thời kỳ 2001-2005, 2006-2010 và 2011-2015 ta có thể thấy rõ sự cải thiện cả về nhịp độ tăng, tỉ trọng chi và định mức chi chung trên đầu trẻ. Trong giai đoạn 2011-2015 lần đầu tiên GDMN được đầu tư một dự án vốn vay ODA trên diện rộng, đã góp phần giải quyết được một số khó khăn của ngành học, thúc đẩy huy động các nguồn vốn khác vào nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Trong 5 năm cuối, một số chỉ số đạt kết quả rất tốt:

- Tỉ trọng chi ngân sách cho GDMN trong tổng chi ngân sách cho giáo dục (bao gồm cả chi sự nghiệp và chi đầu tư xây dựng) tăng từ 15,8% năm 2010 lên 18,6% năm 2015, tốc độ tăng bình quân 0,56%/năm.

- Bình quân chi NSNN/trẻ (tính chung cho cả trẻ nhà trẻ và học sinh mẫu giáo) tăng từ 6,1 triệu đồng/cháu năm 2010 lên 9 triệu đồng/cháu năm 2015, tăng 50% và tốc độ tăng bình quân 10%/năm.

- Tỉ lệ chi cho hoạt động trong tổng chi thường xuyên của GDMN tuy có được cải thiện, nhưng không đáp ứng đủ 20% theo tinh thần của Quyết định số 59/2011/QĐ-TTg (năm cao nhất là 13% tính chung cho cả cấp học, nếu tính trong phần chi trực tiếp tại cơ sở trường học thì còn thấp hơn).

Tuy đạt được kết quả tăng trưởng tốt, nhưng việc bảo đảm nguồn lực tài chính từ NSNN giai đoạn vừa qua vẫn còn một số tồn tại.

- Phân cấp quản lý ngân sách hết sức bất cập, cả nước có rất nhiều kiểu phân cấp quản lý ngân sách cho giáo dục, trong đó có GDMN. Điều này dẫn đến nhiều khó khăn, bất cập trong quản lý như: + Các cơ quan quản lý GDMN hầu hết không gắn được việc xây dựng kế hoạch hoạt động với việc xây dựng dự toán để đảm bảo nguồn lực tài chính cho hoạt động, dẫn đến bị động, thậm chí không xác định được tính khả thi của kế hoạch; + Thông tin, báo cáo về nguồn lực khó xác định do đó hiệu lực chỉ đạo, điều hành kém; hiệu quả tổ chức thực hiện không được đảm bảo; + Công tác giám sát, đánh giá về đầu tư tài chính không thực hiện được ở nhiều các cấp quản lý nhà nước, cấp quản lý càng cao càng khó thực hiện.

- Quy định của Chính phủ về định mức chi ngân sách, tỉ trọng tối thiểu chi ngân sách cho hoạt động giáo dục (20%) theo Quyết định số 59/2011/QĐ-TTg không thực hiện được trên thực tế; hầu hết các tỉnh rất khó khăn, các cơ sở GDMN rất khó khăn trong việc đảm bảo kinh phí cho hoạt động.

- Do khủng hoảng kinh tế thế giới, nguồn lực tài chính nhà nước những năm gần đây gặp nhiều khó khăn; nhiều chương trình, đề án không được đảm bảo kinh phí cho triển khai, vì vậy mà không hoàn

thành nhiệm vụ đúng kế hoạch. Trong GDMN, Đề án 239 về phổ cập mầm non cho trẻ em năm tuổi, là đề án quan trọng nhất, cũng không đủ nguồn lực tài chính để triển khai. Ước tính đến tháng 12/2015, kinh phí thực hiện Đề án 239 là 10.770 tỉ đồng/14.660 (đạt 73,5% kế hoạch), trong đó: Nguồn vốn đầu tư xây dựng cho thực hiện Đề án (2.307 tỉ đồng) dự kiến thực hiện bằng một dự án vốn vay ODA không thực hiện được, vốn huy động của các địa phương (4.740 tỉ đồng từ nguồn đầu tư xây dựng) đạt thấp; điều này dẫn đến khó khăn lớn trong xây dựng phòng học, hoàn thiện mạng lưới trường học cho phổ cập, không hoàn thành đúng tiến độ kế hoạch.

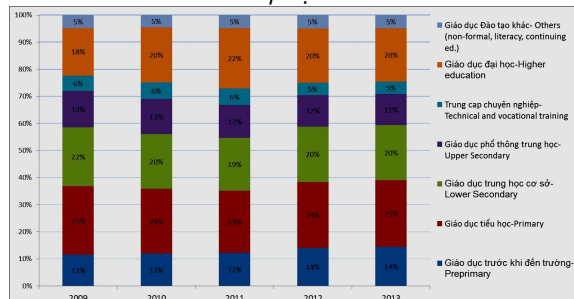
- Cơ chế phân bổ ngân sách chi sự nghiệp cho GDMN chủ yếu vẫn hướng vào khu vực giáo dục công lập, chưa có cơ chế hỗ trợ cơ sở mầm non ngoài công lập. Điều này tạo ra sự cạnh tranh không cân sức giữa trường công lập và ngoài công lập, làm cho công tác phát triển cơ sở GDMN ngoài công lập gặp khó khăn, khó mở rộng.

- Cơ chế về học phí, về trang trải chi phí các dịch vụ cho chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN chưa đủ thoáng, chưa thu hút được các tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Vì vậy, việc xã hội hóa giáo dục ở trường mầm non theo phương châm “nhà nước chỉ làm những gì mà người dân không làm được” bị hạn chế; cùng với hạn chế về cơ chế phân bổ ngân sách, đã làm cho công tác xã hội hóa nguồn vốn đầu tư bị hạn chế.

1.2.2. Chi tiêu cho GDMN trong tổng các nguồn vốn

Tỉ trọng chi cho GDMN trên tổng chi cho GD-ĐT từ tất cả các nguồn vốn cũng có sự cải thiện đáng kể, từ 12% năm 2009 tăng lên 14% năm 2013, ở mức cao thứ tư sau giáo dục tiểu học, giáo dục trung học và giáo dục đại học. Các chỉ số này là minh chứng thuyết phục về sự quan tâm đầu tư của nhà nước và xã hội cho GDMN (xem biểu đồ 1).

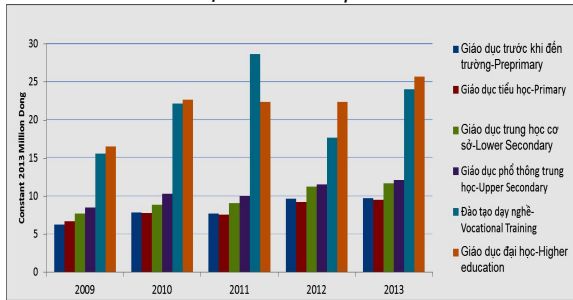
Biểu đồ 1. Chi tiêu của Chính phủ và hộ gia đình chia theo cấp học 2009-2013



(Nguồn: Báo cáo Tài khoản giáo dục quốc gia giai đoạn 2009-2013)

- Tính trên tổng nguồn tài chính, mức chi tính trên đầu học sinh mầm non tăng từ khoảng 6 triệu đồng/cháu năm 2009 lên gần 10 triệu đồng/cháu vào năm 2013. Tuy nhìn chung mức chi của GDMN thấp nhất trong các cấp học, nhưng trong giai đoạn này ở các năm sau đã vượt lên cao hơn cấp tiểu học, đó là nhờ sự ưu tiên đầu tư từ tất cả các nguồn vốn (xem *biểu đồ 2*).

Biểu đồ 2. Chi tiêu của Chính phủ và hộ gia đình trên đầu học sinh các cấp 2009-2013



(Nguồn: Báo cáo Tài khoản giáo dục quốc gia giai đoạn 2009-2013)

- Nếu tính trên tổng chi cho cấp học ở tất cả nguồn vốn thì ở thời điểm năm 2012, chi lương và phụ cấp lương chiếm 63% trên tổng chi cho GDMN, chi khác (bao gồm đầu tư xây dựng, tiền ăn học sinh, chi phí cá nhân học sinh, chi hoạt động giáo dục) là 37%, cao hơn các cấp học phổ thông (chi khác ở tiểu học là 26%, trung học cơ sở là 29% và trung học phổ thông là 35%). Điều này cho thấy, ở GDMN, tổng chi cho hoạt động của nhà trường thấp, nhưng các chi phí cho cá nhân học sinh khá cao.

- Chi tiêu hộ gia đình cho GDMN tính trên đầu học sinh ở các vùng khác nhau cũng có sự khác biệt. Đây là vấn đề cần được xem xét khi xây dựng chính sách phát triển GDMN phải chú ý đến tính đặc thù vùng. Cụ thể tại thời điểm năm 2012 bình quân chi tiêu hộ gia đình cho các cháu mầm non (triệu đồng/cháu) như sau: + Vùng nông thôn dưới 2 triệu, thành thị gần 4 triệu đồng; + Vùng Đồng bằng sông Hồng 3,1 triệu đồng, miền núi phía Bắc khoảng 0,9 triệu đồng, miền Trung 1,9 triệu đồng, Tây Nguyên 1,6 triệu đồng, Đông Nam Bộ 4,1 triệu đồng và Đồng bằng sông Cửu Long là 1,1 triệu đồng.

Như vậy, ngoài NSNN, nguồn lực tài chính huy động từ xã hội và các hộ gia đình đã đóng góp quan trọng vào sự phát triển của GDMN. Để khai thác tốt hơn các nguồn lực tài chính, cần tập trung khắc phục các khó khăn sau đây:

- Một số chính sách khuyến khích xã hội hóa của nhà nước được ban hành, nhưng việc triển khai thực

hiện vẫn còn khó khăn, như: + Kết quả thực tế việc thực hiện chính sách ưu đãi về đất đai nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập rất thấp, bởi vì nhu cầu phát triển trường ngoài công lập thường nảy sinh ở vùng có KT-XH thuận lợi, ở các khu công nghiệp, khu quy hoạch dân cư mới... nhưng hầu hết ở những nơi này không có quỹ đất để cho thuê hay chuyển nhượng; + Chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển trường, lớp mầm non cũng khó thực hiện, các thủ tục để được vay vốn ưu đãi (nhất là về thể chấp) chặt chẽ, nhà đầu tư khó đáp ứng, vì vậy kết quả không như mong muốn.

- Việc chuyển đổi các trường mầm non ngoài công lập, đặc biệt là xóa loại hình trường bán công và chuyển đổi sang trường công lập với trọng cao, mặt tốt là giảm bớt khó khăn cho GDMN do được đầu tư từ NSNN, nhưng lại tạo ra gánh nặng cho ngân sách. Về lâu dài, cần phải xem xét để hỗ trợ các trường ngoài công lập phát triển để giảm nhẹ biên chế nhà nước và sự đầu tư của NSNN. Loại hình trường bán công là một phương thức kết hợp rất tốt giữa hỗ trợ của nhà nước và đóng góp của người học, đã bị xóa bỏ, cần nghiên cứu để có một hình thức vận hành tương tự (chẳng hạn hỗ trợ ngân sách chi thường xuyên cho các trường ngoài công lập theo đầu học sinh).

- Việc thực hiện các dịch vụ chăm sóc, tư vấn về chăm sóc và giáo dục trẻ cho phụ huynh hiện nay chủ yếu thông qua các đơn vị cung cấp dịch vụ bên ngoài nhà trường, chi phí do gia đình trả. Nếu có hình thức tổ chức để trường mầm non chủ động triển khai thông qua các đơn vị có chức năng bên ngoài, tự chủ về tài chính, thì sẽ có sự kết hợp tốt về mục tiêu giữa giáo dục và chăm sóc trẻ, tạo ra một hình thức xã hội hóa năng động phục vụ hiệu quả hơn chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Các hình thức về hợp tác công tư hiện nay chưa được áp dụng phổ biến trong GDMN, hệ thống các văn bản pháp quy cũng chưa đủ để làm hành lang pháp lý cho việc phát triển hình thức này. Chính phủ cần có sự chỉ đạo để sớm hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan.

- Định hướng miễn học phí cho đối tượng trẻ mầm non năm tuổi đã được xác định, khi thực hiện sẽ tạo ra khoảng trống trong nguồn lực tài chính; NSNN cần phải tính đến để bù đắp khoản thiếu hụt này.

2. Khuyến nghị về chính sách tài chính

Về lâu dài, để phát triển bền vững cần phải hướng tới sự cân đối về nguồn lực tài chính giữa NSNN và huy động xã hội. Ngân sách huy động xã hội cho phát triển GDMN phải trở thành một bộ phận quan trọng trong cân đối nguồn lực cho phát triển, giảm dần gánh nặng

cho NSNN; điều này càng có ý nghĩa hơn trong điều kiện khó khăn của NSNN giai đoạn tới. Theo hướng đó, chúng tôi khuyến nghị một số nội dung sau:

2.1. Bảo đảm thực hiện đầy đủ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP trong việc tạo cơ chế làm việc để sở GD-ĐT chủ động phối hợp với sở tài chính, sở kế hoạch và đầu tư trong việc xác định nguồn tài chính phù hợp với hoạt động của ngành giáo dục trong kế hoạch hàng năm. Ngành giáo dục phải được tham gia để thực hiện đầy đủ các chức năng về quản lý nhà nước, từ khâu lập kế hoạch tài chính, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện, theo đúng nguyên tắc của lập kế hoạch chiến lược và quản lý kế hoạch dựa vào kết quả mà Chính phủ đang chỉ đạo ứng dụng.

2.2. Điều chỉnh phân cấp quản lý ngân sách ở địa phương trên cơ sở tự chủ, nhưng phải tuân thủ một số nguyên tắc chung cho tất cả các tỉnh là bảo đảm sự tham gia của cơ quan quản lý giáo dục các cấp trong quy trình lập, chấp hành và quyết toán NSNN.

2.3. Xây dựng cơ chế hỗ trợ ngân sách chi thường xuyên cho các trường ngoài công lập theo đầu học sinh (theo hình thức đặt hàng), nhằm thay thế hình thức hỗ trợ tương tự như trường bán công trước đây và tạo điều kiện phát triển bình đẳng với trường công lập. Nếu thực hiện được cơ chế này, hệ thống trường ngoài công lập sẽ phát triển mạnh mẽ hơn, giảm được gánh nặng về biên chế và đầu tư xây dựng cho nhà nước, là hai khoản chi phí cơ bản và lớn nhất trong phát triển GDMN. Nhiều nước trên thế giới (điển hình như Australia, Canada) đã áp dụng hình thức này rất có hiệu quả, Việt Nam có thể nghiên cứu để vận dụng.

2.4. Tổ chức mô hình Trung tâm GDMN dựa vào cộng đồng, hình thành một loại cơ sở GDMN kiểu mới, nhằm thu hút các dịch vụ chăm sóc trẻ theo phương thức tự trang trải chi phí, góp phần xã hội hóa về nguồn lực tài chính để phục vụ đặc lực cho mục tiêu phát triển của nhà trường. Mô hình này hiện rất phổ biến ở Australia, Canada, Mêhico; Việt Nam cần nghiên cứu để vận dụng.

2.5. Hoàn thiện các quy định về hợp tác công, tư; tạo cơ chế thông thoáng để các tổ chức, cá nhân đầu tư vào GDMN; nhằm huy động có hiệu quả các nguồn tài chính cho đầu tư phát triển GDMN. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Vietnam Ministry of Education and Training, UNESCO Institute for Statistics (2016). *Education Financing in Viet Nam 2009-2013* (following the National Education Accounts methodology), Ha Noi.
[2] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010-*

2015 (ban hành theo Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

[3] Thủ tướng Chính phủ (2002). *Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Một số chính sách phát triển Giáo dục mầm non.*

[4] Thủ tướng Chính phủ (2006). *Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2006-2015”.*

[5] Thủ tướng Chính phủ (2011). *Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định một số chính sách phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015.*

Thực trạng quản lý hoạt động...

(Tiếp theo trang 12)

mới chỉ ra các việc làm cần thực hiện, thời gian hoàn thành chứ chưa thực sự thể hiện như một chương trình hành động cụ thể. Việc quản lý HĐTV tương đối tốt, bên cạnh đó, còn có một số thư viện chỉ hoạt động “cầm chừng” do thiếu sự đầu tư, quan tâm thích đáng, HĐTV chưa phong phú. Một số nhà trường mới chỉ quan tâm chú trọng đến đầu tư cơ sở vật chất cho các lớp học chứ chưa đầu tư nguồn tài nguyên sách, báo phục vụ cho giảng dạy và học tập của GV và HS. Một số cán bộ quản lý, GV và nhân viên thư viện chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của thư viện trong hoạt động giáo dục của nhà trường nên chưa hỗ trợ tích cực cho công tác này, do đó chưa có những đóng góp thiết thực để xây dựng thư viện xứng tầm là một “trung tâm văn hóa của nhà trường”. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2003). *Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.*
[2] Bùi Minh Hiền - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo (2006). *Quản lý giáo dục.* NXB Đại học Sư phạm.
[3] Vũ Bá Hòa (2009). *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện trường phổ thông.* NXB Giáo dục Việt Nam.
[4] Trần Kiểm - Bùi Minh Hiền (2006). *Quản lý và lãnh đạo nhà trường.* NXB Đại học Sư phạm.
[5] Đàm Thị Kim Liên - Trần Thị Xuân Khóa (2009). *Một số chuyên đề về nghiệp vụ thư viện trường học.* NXB Giáo dục Việt Nam.
[6] Nguyễn Thị Lan Thanh (2014). *Một số vấn đề về quản lý thư viện hiện đại.* Tạp chí Thư viện Việt Nam, số 5, tr 3-6.
[7] Nguyễn Thị Thu Thảo - Nguyễn Thị Ngọc Linh (2015). *Kĩ năng tổ chức và quản lý thư viện trường học.* NXB Lao Động.